

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO DO SẮP XẾP, SÁP NHẬP TỔ CHỨC LẠI

(Kèm theo Quyết định số: 1247 /QĐ-UBND ngày 08 /9/2026 của UBND phường Phú Lương)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên trường cũ trước sáp nhập	Tổng giảm dự toán năm 2026 giao các trường cũ đến thời điểm sáp nhập	Trong đó: điều chỉnh giảm tổng dự toán 2026 (sau tiết kiệm chi thường xuyên giao đầu năm 2026)				Tên trường mới sau sáp nhập	Tổng tăng dự toán giao năm 2026 về trường mới đến thời điểm sáp nhập	Trong đó: Điều chỉnh tăng dự toán 2026				Ghi chú
			DT chuyển nguồn	Giao tự chủ	Giao CCTL	Giao không tự chủ			DT chuyển nguồn	Giao tự chủ	Giao CCTL	Giao không tự chủ	
	A = 1	1=2+3+4+5	2	3	4	5	B =2	1=2+3+4+5	2	3	4	5	
I	TỔNG DỰ TOÁN	118.360.640.902	537.390.169	90.856.441.446	19.123.980.000	7.842.829.287	-	118.360.640.902	537.390.169	90.856.441.446	19.123.980.000	7.842.829.287	
1	Trường Mầm non Phú Lương	7.004.365.500	-	4.942.400.000	1.753.434.000	308.531.500	Trường Mầm non Phú Lương	21.616.975.568	-	15.694.659.518	5.012.646.000	909.670.050	Chi tiết tại biểu 01/SNGD
	Trường Mầm non Phú Lương I	6.774.845.965	-	4.823.965.015	1.684.302.000	266.578.950							
	Trường Mầm non Phú Lương II	7.837.764.103	-	5.928.294.503	1.574.910.000	334.559.600							
2	Trường Mầm non Phú Lâm	8.014.979.839	-	6.055.158.039	1.590.150.000	369.671.800	Trường Mầm non Phú Lâm	20.148.710.736	99.435.440	16.712.490.996	2.737.931.000	598.853.300	Chi tiết tại biểu 02/SNGD
	Trường Mầm non Huyền Kỳ	5.245.065.262	-	3.945.425.762	1.070.458.000	229.181.500							
	Trường Mầm non Hương Sen	6.888.665.635	99.435.440	6.711.907.195	77.323.000	-							
3	Trường tiểu học Phú Lương I	9.119.935.669	-	7.515.208.669	1.517.160.000	87.567.000	Trường tiểu học Phú Lương	28.339.445.328	398.293.317	22.797.047.011	4.910.560.000	233.545.000	Chi tiết tại biểu 03/SNGD
	Trường tiểu học Phú Cường	19.219.509.659	398.293.317	15.281.838.342	3.393.400.000	145.978.000							
4	Trường tiểu học Phú Lương II	15.459.150.482	38.469.412	9.939.636.920	2.271.135.000	3.209.909.150	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phú Cường	26.552.843.362	38.469.412	20.915.957.800	2.385.807.000	3.212.609.150	Chi tiết tại biểu 04/SNGD
	Trường THCS Phú Cường	11.093.692.880	-	10.976.320.880	114.672.000	2.700.000							
5	Trường tiểu học Phú Lâm	11.426.727.784	1.192.000	7.087.452.121	1.819.608.000	2.518.475.663	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phú Lâm	21.702.665.908	1.192.000	14.736.286.121	4.077.036.000	2.888.151.787	Chi tiết tại biểu 05/SNGD
	Trường THCS Phú Lâm	10.275.938.124	-	7.648.834.000	2.257.428.000	369.676.124							

BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO DO SẮP XẾP, SẮP NHẬP TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 1247 /QĐ-UBND ngày 08 / 9 /2026 của UBND phường Phú Lương)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung dự toán	Điều chỉnh giảm tổng dự toán năm 2026 (sau tiết kiệm chi thường xuyên giao đầu năm) các trường trước sắp xếp, sắp nhập			Điều chỉnh tăng dự toán 2026 về trường mới sau sắp xếp, sắp nhập		Ghi chú
		Trường Mầm non Phú Lương II	Trường Mầm non Phú Lương	Trường MN Phú Lương I	Trường Mầm non Phú Lương	Trong đó: DT giao đặt hàng giáo dục	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=1+2+3</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
A	DỰ TOÁN ĐƯỢC SỬ DỤNG (I+II+III)	7.837.764.103	7.004.365.500	6.774.845.965	21.616.975.568		-
I	Dự toán chuyển nguồn 2025 sang 2026				-		
II	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	5.928.294.503	4.942.400.000	4.823.965.015	15.694.659.518		
1	Tiền lương, phụ cấp, các khoản phải nộp theo lương	3.988.772.000	4.098.223.000	4.060.095.000	12.147.090.000		
2	Chi khác theo định mức	1.939.522.503	844.177.000	763.870.015	3.547.569.518		
3	Trong đó: dự toán cấp bù, miễn học phí 9T năm 2026	939.393.000	870.480.000	733.211.000	2.543.084.000		
III	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	1.909.469.600	2.061.965.500	1.950.880.950	5.922.316.050		
1	Dự toán Nguồn CCTL để chi Lương, PC và các khoản theo lương	1.574.910.000	1.753.434.000	1.684.302.000	5.012.646.000		
2	Quỹ thưởng 10% theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (N18)	-	-	-	-		
3	Dự toán Kinh phí bữa ăn bán trú	-	-	-	-		
4	Dự toán Hỗ trợ chi phí học tập, ăn trưa	-	-	-	-		
5	Dự toán mua sắm sửa chữa theo định mức 5%	334.559.600	308.531.500	266.578.950	909.670.050		
B	Dự toán giữ lại do tiết kiệm chi (nguồn 28)	41.687.897	16.238.500	22.551.035	80.477.432		
*	Tổng dự toán (A+B)	7.879.452.000	7.020.604.000	6.797.397.000	21.697.453.000	-	

BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO DO SẮP XẾP, SÁP NHẬP TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 1247 /QĐ-UBND ngày 08 / 9 /2026 của UBND phường Phú Lương)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung dự toán	Điều chỉnh giảm tổng dự toán năm 2026 (sau tiết kiệm chi thường xuyên giao đầu năm) các trường trước sắp xếp, sáp nhập			Điều chỉnh tăng dự toán 2026 về trường mới sau sắp xếp, sáp nhập		Ghi chú
		Trường Mầm Non Huyện Kỳ	Trường Mầm Non Phú Lâm	Trường Mầm Non Hương Sen	Trường Mầm Non Phú Lâm	Trong đó: dự toán giao đặt hàng giáo dục	
a	b	1	2	3	4=1+2+3	5	6
A	DỰ TOÁN ĐƯỢC SỬ DỤNG (I+II+III)	5.245.065.262	8.014.979.839	6.888.665.635	20.148.710.736	6.888.665.635	
I	Dự toán chuyển nguồn 2025 sang 2026			99.435.440	99.435.440	99.435.440	
II	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	3.945.425.762	6.055.158.039	6.711.907.195	16.712.490.996	6.711.907.195	
1	Tiền lương, phụ cấp, các khoản phải nộp theo lương	2.621.931.000	3.933.390.000	4.819.699.000	11.375.020.000	4.819.699.000	
2	Chi khác theo định mức	1.323.494.762	2.121.768.039	1.892.208.195	5.337.470.996	1.892.208.195	
	Trong đó: dự toán cấp bù, miễn học phí 9 tháng năm 2026	632.656.000	1.026.441.000	689.688.000	2.348.785.000	689.688.000	
III	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	1.299.639.500	1.959.821.800	77.323.000	3.336.784.300	77.323.000	
1	Dự toán Nguồn CCTL để chi Lương, PC và các khoản theo lương	1.070.458.000	1.590.150.000		2.660.608.000	-	
2	Quỹ thưởng 10% theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (N18)	-	-	77.323.000	77.323.000	-	
3	Dự toán Kinh phí bữa ăn bán trú	-	-	-	-	-	
4	Dự toán Hỗ trợ chi phí học tập, ăn trưa	640.000	4.640.000	-	5.280.000	-	
5	Dự toán mua sắm sửa chữa theo định mức 5%	228.541.500	365.031.800	-	593.573.300	-	
B	Dự toán giữ lại do tiết kiệm chi (nguồn 28)	29.893.739	39.894.161	18.338.805	88.126.705	18.338.805	
*	Tổng dự toán (A+B)	5.274.959.001	8.054.874.000	6.907.004.440	20.236.837.441	6.907.004.440	-

BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO DO SẮP XẾP, SẮP NHẬP TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 08 / 9 /2026 của UBND phường Phú Lương)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung dự toán	Điều chỉnh giảm tổng dự toán năm 2026 (sau tiết kiệm chi thường xuyên giao đầu năm) các trường trước sắp xếp, sắp nhập		Điều chỉnh tăng dự toán 2026 về trường mới sau sắp xếp, sắp nhập		Ghi chú
		Trường Tiểu học Phú Cường	Trường Tiểu học Phú Lương I	Trường Tiểu học Phú Lương	Trong đó: DT giao đặt hàng giáo dục	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
A	DỰ TOÁN ĐƯỢC SỬ DỤNG (I+II+III)	19.219.509.659	9.119.935.669	28.339.445.328	23.195.340.328	
I	Dự toán chuyển nguồn 2025 sang 2026	398.293.317	-	398.293.317	398.293.317	
II	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	15.281.838.342	7.515.208.669	22.797.047.011	22.797.047.011	
1	Tiền lương, phụ cấp, các khoản phải nộp theo lương	9.859.614.000	5.984.115.000	15.843.729.000	15.843.729.000	
2	Chi khác theo định mức	5.422.224.342	1.531.093.669	6.953.318.011	6.953.318.011	
	<i>Trong đó: dự toán cấp bù, miễn học phí 9 tháng năm 2026</i>	<i>2.505.420.000</i>	<i>1.148.085.000</i>	<i>3.653.505.000</i>	<i>3.653.505.000</i>	
III	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	3.539.378.000	1.604.727.000	5.144.105.000	-	
1	Dự toán Nguồn CCTL để chi Lương, PC và các khoản theo lương	-	-	-		
2	Quỹ thưởng 10% theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (N18)	3.393.400.000	1.517.160.000	4.910.560.000		
3	Dự toán Kinh phí bữa ăn bán trú	9.000.000	3.600.000	12.600.000		
4	Dự toán Hỗ trợ chi phí học tập, ăn trưa	-	-	-		
5	Dự toán mua sắm sửa chữa theo định mức 5%	136.978.000	83.967.000	220.945.000		
B	Dự toán giữ lại do tiết kiệm chi (nguồn 28)	144.447.658	25.686.331	170.133.989		
*	Tổng dự toán (A+B)	19.363.957.317	9.145.622.000	28.509.579.317	23.195.340.328	

BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO DO SẮP XẾP, SÁP NHẬP TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 08 / 9 /2026 của UBND phường Phú Lương)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung dự toán	Điều chỉnh giảm tổng dự toán năm 2026 (sau tiết kiệm chi thường xuyên giao đầu năm) các trường trước sắp xếp, sáp nhập		Điều chỉnh tăng dự toán 2026 về trường mới sau sắp xếp, sáp nhập		Ghi chú
		Trường TH Phú Lương II	Trường THCS Phú Cường	Trường tiểu học và THCS Phú Cường	Trong đó: DT giao đặt hàng giáo dục	
a	b	1	2	4=1+2+3	5	6
A	DỰ TOÁN ĐƯỢC SỬ DỤNG (I+II+III)	15.459.150.482	11.093.692.880	26.552.843.362	10.976.320.880	-
I	Dự Toán chuyển nguồn 2025 sang 2026	38.469.412		38.469.412	-	
II	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	9.939.636.920	10.976.320.880	20.915.957.800	10.976.320.880	
1	Tiền lương, phụ cấp, các khoản phải nộp theo lương	5.629.502.000	7.618.974.000	13.248.476.000	7.618.974.000	
3	Dự toán BSKP đặt hàng giá DV giáo dục NH 2025-2026	-	952.092.000	952.092.000	952.092.000	
2	Chi khác theo định mức	4.310.134.920	2.405.254.880	6.715.389.800	2.405.254.880	
	Trong đó: dự toán cấp bù, miễn học phí 9 tháng năm 2026	2.107.845.000	1.330.830.000	3.438.675.000	1.330.830.000	
III	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	5.481.044.150	117.372.000	5.598.416.150	-	
1	Dự toán Nguồn CCTL để chi Lương, PC và các khoản theo lương	2.271.135.000	-	2.271.135.000		
2	Quỹ thưởng 10% theo ND 73/2024/NĐ-CP (N18)	-	114.672.000	114.672.000		
3	Dự toán Kinh phí bữa ăn bán trú	2.648.920.000	-	2.648.920.000		
4	Dự toán Hỗ trợ chi phí học tập, ăn trưa	8.700.000	2.700.000	11.400.000		
5	Dự toán mua sắm sửa chữa theo định mức 5%	552.289.150	-	552.289.150		
B	Dự toán giữ lại do tiết kiệm chi (nguồn 28)	125.008.930	43.291.120	168.300.050		
*	Tổng dự toán (A+B)	15.584.159.412	11.136.984.000	26.721.143.412	-	

BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO DO SẮP XẾP, SÁP NHẬP TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 08 / 9 /2026 của UBND phường Phú Lương)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung dự toán	Điều chỉnh giảm tổng dự toán năm 2026 (sau tiết kiệm chi thường xuyên giao đầu năm) các trường trước sắp xếp, sáp nhập		Điều chỉnh tăng dự toán 2026 về trường mới sau sắp xếp, sáp nhập		Ghi chú
		Trường Tiểu học Phú Lâm	Trường THCS Phú Lâm	Trường tiểu học và THCS Phú Lâm	Trong đó: DT giao đặt hàng GD	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	3=1+2	4	5
A	DỰ TOÁN ĐƯỢC SỬ DỤNG (I+II+III)	11.426.727.784	10.275.938.124	21.702.665.908	-	-
I	Dự toán chuyển nguồn 2025 sang 2026	1.192.000		1.192.000		
II	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	7.087.452.121	7.648.834.000	14.736.286.121	-	
1	Tiền lương, phụ cấp, các khoản phải nộp theo lương	4.520.259.000	5.890.000.000	10.410.259.000		
2	Chi khác theo định mức	2.567.193.121	1.758.834.000	4.326.027.121		
	Trong đó: dự toán cấp bù, miễn học phí 9T năm 2026	1.552.635.000	1.376.865.000	2.929.500.000		
III	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	4.338.083.663	2.627.104.124	6.965.187.787	-	
1	Dự toán Nguồn CCTL để chi Lương, PC và các khoản theo lương	1.819.608.000	2.257.428.000	4.077.036.000		
2	Quỹ thưởng 10% theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (N18)	-	-	-		
3	Dự toán Kinh phí bữa ăn bán trú	2.099.960.000	-	2.099.960.000		
4	Dự toán Hỗ trợ chi phí học tập, ăn trưa	11.700.000	7.500.000	19.200.000		
5	Dự toán mua sắm sửa chữa theo định mức 5%	406.815.663	362.176.124	768.991.787		
B	Dự toán giữ lại do tiết kiệm chi (nguồn 28)	75.739.216	17.571.876	93.311.092		
*	Tổng dự toán (A+B)	11.502.467.000	10.293.510.000	21.795.977.000	-	